TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM - ST
Ngày: 18 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
mau bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy,
2. Ông Nguyễn Quang Nhã.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2024/TLST-KDTM ngày 17/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 20/6/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N; Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Q. Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Q, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

1, Ông Phan Văn H, chức vụ: Giám đốc kinh doanh, có mặt.

2, Ông Phan Đức N - Chức vụ: Giám đốc; Người được ủy quyền lại: Ông Dương Văn T và bà Trương Thị Tố U thuộc Công ty Luật TNHH 1TV G, địa chỉ: 102 D, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Q, bà Trương Thị Tố U có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A, địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Q.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây

dựng N (gọi tắt là nguyên đơn hay Công ty N) yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Ngày 09/9/2020, nguyên đơn và Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A (gọi tắt là bị đơn hay Công ty A) ký hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông thương phẩm theo Hợp đồng kinh tế số 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA, giá trị hợp đồng được tính theo khối lượng bê tông thương phẩm theo yêu cầu thực tế, Căn cứ theo Điều 3, khoản 4.1 Điều 4 của hợp đồng thì Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A phải thanh toán đầy đủ tiền mua bê tông thương phẩm cho Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N theo giá trị hợp đồng được tính dựa trên khối lượng bê tông thương phẩm theo yêu cầu thực tế, công trình đã thực hiện Công ty N cung ứng. Theo đó, Công ty N đã hoàn tất bàn giao toàn bộ các sản phẩm bê tông thương phẩm mà phía Công ty A yêu cầu đặt hàng và cũng hoàn thành việc xuất phiếu giao hàng đối với các sản phẩm đã bàn giao được Công ty N xuất cho Công ty A; Qua Biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/4/2021 Công ty A còn nợ Công ty N số tiền 205.300.000 đồng, đến ngày 27/01/2022 phía bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, phía Công ty A hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 155.300.000 đồng; mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần thiện chí liên hệ, gửi văn bản cho Công ty A để nhắc nhở về việc thanh toán công nợ cho Công ty N tuy nhiên phía bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng mà hai bên đã ký. Vì vậy Công ty N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty A trả nợ số tiền 155.300.000 đồng và khoản tiền lãi đối trên số tiền nợ gốc tính từ ngày 27/01/2022 đến ngày 18/7/2024 (ngày xét xử) theo mức lãi suất quá hạn do pháp luật quy định tương ứng với số tiền 155.300.000 đồng theo mức lãi suất 10% năm = 38.359.100 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày về cách tính lãi như sau: Ngày quá hạn tính từ ngày 27/01/2022 đến 18/7/2024 là 901 ngày. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng và tương đương 0.0274%/ngày (theo mức lãi suất cho vay trung hạn của 3 ngân hàng tại tỉnh Quảng Bình bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất 12.3%/ năm, 11,985%/ năm và 11%/ năm). Tiền lãi tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày khởi kiện nguyên đơn yêu cầu là 901 ngày thành tiền là 38.359.100 đồng.

Ông Lê Văn L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A trình bày qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 24/6/2024: Bị đơn thừa nhận khoản nợ đối với nguyên đơn là 155.300.000 đồng. Do Công ty đang gặp khó khăn nên bị đơn đề xuất phương án hòa giải và yêu cầu phía nguyên đơn miễn khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc, nhưng thay đổi yêu cầu mức lãi suất chậm trả trên số nợ gốc. Người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án được đảm bảo đúng thủ tục quy định. Về nội dung, đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 357, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N, buộc Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng A phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 193.359.100 đồng, trong đó nợ gốc 155.300.000 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (18/7/2024) là 38.359.100 đồng; Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; về án phí, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm của vụ án kinh doanh thương mại có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA ngày 09/9/2020, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A có địa chỉ tại thôn Hoàng Giang, xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét giao dịch dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất: Vào năm 2020, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mua bán bê tông thương phẩm theo Hợp đồng kinh tế số 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA ngày 09/9/2020, trong đó: Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N (gọi tắt là Công ty N) là bên bán, phía Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A (gọi tắt là Công ty A) là bên mua, việc mua bán được thực hiện nhiều lần (đã giao nhận hàng hóa như thỏa thuận) và có xuất hóa đơn giá trị gia tăng, có biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/4/2021.

Đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 430 và Khoản 1 Điều 431 Bộ luật dân sự; Điều 24 Luật kinh doanh thương mại là sự thật. Giao dịch này đã được cả hai bên thống nhất thừa nhận nên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi (lãi chậm thanh toán) theo Hợp đồng kinh tế số 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA ngày 09/9/2020 và Biên bản đối chiếu công nợ:

Theo lời trình bày của các bên đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, ông Lê Văn Lưu là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N số: 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA ngày 09/9/2020 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2021 với số tiền bị đơn chưa thanh toán 205.300.000 đồng, đến ngày 27/01/2022 bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng, phía Công ty A hiện còn nợ nguyên đơn số tiền 155.300.000 đồng. Đối chiếu hợp đồng kinh tế và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của phía đại diện nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn có căn cứ xác định Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua bê tông thương phẩm theo hợp đồng kinh tế kể từ ngày 30/4/2021. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện về mặt thời gian để Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng A và Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng ông Lê Văn L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có động thái gì về thực hiện nghĩa vụ của bên mua hàng, mặc dù tòa án đã tống đặt hợp lệ giấy triệu tập, Quyết định của Tòa án nhưng đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, chứng tỏ phía bị đơn thiếu thiện chí trả nợ. Do đó, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng A phải thanh toán cả gốc và lãi (lãi chậm trả) đến ngày xét xử (18/7/2024) là 193.659.100 đồng, trong đó nợ gốc 155.300.000 đồng; nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử (18/7/2024) là 38.359.100 đồng là có căn cứ, theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

[5] Về tiền lãi chậm thanh toán: Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 đều quy định bên bị vi phạm có quyền đòi tiền lãi trên số tiền chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày quá hạn thanh toán theo hợp đồng

(từ ngày 27/01/2022 đến ngày 18/7/2024) là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng và không trái pháp luật. Về mức lãi suất, Hợp đồng kinh tế số 09.09.2020/HĐKT-220KvA/NACL-DA ngày 09/9/2020 không quy định lãi suất chậm thanh toán. Theo yêu cầu ban đầu của nguyên đơn, mức lãi 10%/năm.

Hội đồng xét thấy rằng, sau khi thanh lý hợp đồng bằng biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/01/2022 Công ty TNHH Tư vấn và đầu tư xây dựng A đã trả 50.000.000 đồng cho nguyên đơn, số tiền 155.300.000 đồng bị đơn chưa thanh toán cho Công ty N là vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa, nên nguyên đơn tính lãi theo mức lãi suất chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 306 Luật kinh doanh thương mại. Vì vậy, buộc Công ty A phải trả cho Công ty N số tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử (18/7/2024) là 38.359.100 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi chậm trả phát sinh đối với khoản nợ chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại điều 357, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu.

[6] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Công ty Ng được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Công ty A phải chịu án phí sơ thẩm của vụ án kinh doanh thương mại có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 430, 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 và 306 Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng N.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng A trả cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật liệu xây dựng N số tiền 193.659.100 đồng *(Một trăm chín ba triệu, sáu trăm năm mươi chín nghìn, một trăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư xây dựng A phải chịu 9.682.955 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Cổ phần kinh doanh Vật liệu xây dựng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.969.600 đồng (*Bốn triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004358 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2024); Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Văn Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Quang Huy **Nguyễn Quang Nhã** **Nguyễn Văn Châu**